

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/09/2016

STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3 Năm 2016	Quý 3 Năm 2015	9 tháng đầu năm 2016	9 tháng đầu năm 2015
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương	21	238,281	269,065	728,909	810,127
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	150,349	163,075	496,230	645,795
I	Thu nhập lãi thuần		87,931	105,989	232,680	164,333
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		41,737	22,032	101,436	74,890
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		683	2,735	3,056	4,797
II	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	23	41,054	19,297	98,380	70,093
III	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	5,108	(15,511)	5,812	(34,143)
IV	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	1,085	1,776	20,160	1,864
V	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	(31,955)	(3,923)	(32,239)	(2,345)
5	Thu nhập từ hoạt động khác		5,000	58	6,590	280
6	Chi phí hoạt động khác			-	103	-
VI	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	27	5,000	58	6,487	280
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	28	564	2,083	15,091	18,619
VIII	Chi phí hoạt động	29	23,286	17,718	61,422	47,395
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		85,503	92,052	284,948	171,306
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		4,013	10,997	89,808	54,862
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế		81,490	81,055	195,140	116,444
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành				44,749	26,591
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	30			44,749	26,591
XIII	Lợi nhuận sau thuế				150,391	89,853
XV	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	20			602	359

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu

Phó Phòng kế toán

Trưởng Giám đốc

Mai Danh Hiền

Nguyễn Luân

Bùi Xuân Dũng

